***Tuần 10***

***Ngày soạn:28/10/2022***

***Ngày dạy: 31/10/2022***

**Tiết 17 ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**(1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Thông qua bài học, HS nắm được

-Cách tính thời gian trong lịch sử

-Sự xuất hiện của loài người trên trái đất.

-Các giai đoạn phát triển của người nguyên thuỷ.

-Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp

-Thành tựu văn hóa các quốc gia cổ đại phương Đông.

**2. Năng lực** :

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip, so sánh, nhận xét,đánh giá …

**3. Phẩm chất:**

-Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời cổ, có ý thức bảo vệ các di sản của thế hệ đi trước để lại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. *Chuẩn bị của GV***

- SGK, SGV Lịch sử 6

- Chuẩn kiến thức kĩ năng môn Lịch sử THCS.

- Phiếu học tập, bảng phụ

- Lược đồ thế giới cổ đại, các tranh ảnh công trình nghệ thuật, đồ phục chế.

- Tài liệu liên quan đến bài giảng

**2. Chuẩn bị của** **HS**: Sách giáo khoa, vở ghi bài, dụng cụ học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

Phần một của chương trình lịch sử lớp 6 đã trình bày những nét cơ bản của lịch sử loài người từ khi xuất hiện đến cuối thời cổ đại. Chúng ta đã học và biết loài người đã lao động và biến chuyển như thế nào để dần dần đưa xã hội tiến lên và xây dựng những quốc gia đầu tiên trên thế giới, đồng thời đã sáng tạo nên những thành tựu văn hoá quý giá để lại cho đời sau.

**2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: I.Thời gian trong lịch sử:**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hiểu được âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất; dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

**b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG** |
| GV giới thiệu kiến thức: Người xưa tính thời gian bắt đầu từ sự phân biệt sáng - tối (ngày-đêm) trên cơ sở quan sát, tính toán quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Mặt Trời từ Trái Đất và sáng tạo ra lịch.  - GV yêu cầu HS trả lơi câu hỏi:  + Âm lịch là gì?  + Dương lịch là gì?  **+ Vì sao trên thế giới cần một thứ lịch chung?**  -Trên thế giới cần một thứ lịch chung do xã hội loài người ngày càng phát triển, sự giao lưu giữa các nước, các dân tộc ngày càng được mở rộng, cần có nhu cầu thống nhất về cách tính thời gian.  *GV yêu cầu HS quan sát Sơ đồ 2.4 SGK trang 16 và trả lời câu hỏi*: **Em hãy giải thích các khái niệm trước Công nguyên, Công nguyên, thập kỉ, thể kí, tiên niên kỉ.**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_38.png  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **I. Thời gian trong lịch sử:**  **1. Âm lịch, dương lịch**  - Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất (một tháng).  - Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời (một năm).  **2. Cách tính thời gian**  - Công lịch lấy năm 1 làm năm đầu tiên của Công nguyên.  - Một thập kỉ là 10 năm. Một thế kỉ là 100 năm. Một thiên niên kỉ là 1000 năm |

**Hoạt động 2 II. Xã hội nguyên thủy:**

**a.Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hiểu được quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua 3 giai đoạn: vượn người, người tối cổ, người tinh khôn.

**-** Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy

**b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG** |
| **GV chiếu hình sự tiến hóa của loài người-> Y/c HS quan sát: Con gười có nguồn gốc từ đâu?**  GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS quan sát Hình 3.1, 3.2, 3.3 thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập  - GV phát phiếu học tập cho HS thảo luận trong vòng 5 phút → GV mời bất kì HS nào lên trình bày vào bảng GV đã chuẩn bị.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Vượn người** | **Người tối cổ** | **Người tinh khôn** | | Thời gian xuất hiện | Cách đây khoảng 6 triệu đến 5 năm triệu năm | Cách đây khoảng 4 triệu năm | Cách đây khoảng 150.000 năm | | Địa điểm tìm thấy hóa thạch sớm nhất | Châu Phi | Đông Nam Á |  | | Đặc điểm não, hình dạng bên ngoài | -Thể tích não <400cm3  -Cơ thể của loài vượn cổ này được bao phủ bởi một lớp lông dày, đã có thể đứng và đi bằng hai chân, bàn tay bước đầu được giải phóng dùng để cầm, nắm. | -Thể tích não từ 850-1100cm3,  -Cơ thể còn nhiều lông, dáng đi hơi còng, cằm nhô về phía trước | -Thể tích não 1450cm3,  -Dáng đi thẳng, nét mặt cân đối, cấu tạo cơ thể giống như người ngày nay | | Đặc điểm vận động | Leo trèo | Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân | Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân | | Công cụ lao động | Chưa có công cụ lao động | Biết ghè đẽo đá làm công cụ lao động (thô sơ) | Công cụ đá được cải tiến, công cụ kim loại. | | Đời sống vật chất |  | Săn bắt và hái lượm, sống trong hang động, mái đá.. | Trồng trọt, chăn nuôi, làm gốm, dệt vải… | | Tổ chức xã hội | Sống theo bầy đàn | | Sống thành các thị tộc . |   GV yêu cầu HS đọc quan sát Hình 4.10, 4.12 và trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về đời sống tinh thần của người nguyên thủy?  - Đời sống tinh thần của người nguyên thủy phong phú:  + Đã có tục chôn cất người chết.  + Biết sử dụng đó trang sức, biết dùng màu, vẽ lên người để hoá trang hay làm đẹp.  + Đặc biệt, họ đã biết quan sát cuộc sống xung quanh và thể hiện ra bằng hình ảnh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** | **II. Xã hội nguyên thủy:** |

**Hoạt động 3 III.Xã hội cổ đại**

**a.Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được quá trình ra đời các quốc gia cổ đại và những thành tựu văn hóa ở Phương Đông.

**b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  GV chiếu hình các quốc gia cổ đại-> Yc HS quan sát: Nêu tên các quốc gia cổ đại ra đời sớm ở phương Đông  - GV yêu cầu HS vận dụng lại kiến thức cũ, chia HS thành thành 4 nhóm và thảo luận nội dung:  - GV phát phiếu học tập cho HS thảo luận trong vòng 5 phút → GV mời bất kì HS nào lên trình bày vào bảng GV đã chuẩn bị.  - GV mời HS khác nhận xét → GV nhận xét và cho điểm.   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | **Các quốc gia cổ đại** | | Tên quốc gia cổ đại | Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc | | Thời gian ra đời | Cuối thiên kỉ IV đến đầu thiên kỉ III TCN | | Địa điểm | Lưu vực các con sông lớn | | Nên kinh tế chính | Nông nghiệp | | Tầng lớp xã hội | Quí tộc, nông dân công xã, nô lệ | | Nhà nước | Quân chủ chuyên chế |   GV: dựa vào bảng thống kê ->Y/c HS nêu rõ một số nội dung liên quan bài học  **Những thành tựu văn hóa cổ đại ở phương Đông**  GV chiếu hình ảnh một số thành tựu văn hóa -> Yêu cầu HS quan sát, vận dụng lại kiến thức cũ, chia HS thành thành 4 nhóm và thảo luận nội dung:  - GV phát phiếu học tập cho HS thảo luận trong vòng 5 phút → GV mời bất kì HS nào lên trình bày vào bảng GV đã chuẩn bị.  - GV mời HS khác nhận xét → GV nhận xét và cho điểm.   |  |  | | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Thành tựu** | | Tôn giáo | - Đạo Bà la môn và Phật giáo (Ấn Độ)  - Nho giáo (Trung Quốc) | | Chữ viết | Chữ tượng hình(Ai Cập,TQ), chữ Phạn(Â Độ), chữ hình nêm (Lưỡng Hà) | | Toán học | -Ai Cập: giỏi hình học  -Lưỡng Hà: số học ( hệ thống đếm lấy số 60 làm cơ sở)  -Ấn Độ: các số từ 0 đến 9 | | Văn học | -Sử thi Gin-ga-mét (Lưỡng Hà)  - Sử thi: Ra-ma-y-a-na và Ma-ha-bha-ra-ta; kinh Veeda (Ấn Độ)  - Kinh Thi (Trung Quốc) | | Luật pháp | Bộ luật thành văn Hamurabi (Lưỡng Hà) | | Y học | -Kĩ thuật ướp xác (Ai Cập)  -Chữa bệnh bằng thảo mộc, bấm huyệt, châm cứu (TQ)  - Thuốc tê, thuốc mê (Ấn Độ) | | Kiến trúc và điêu khắc | - Kim Tự Tháp (Ai Cập)  - Vườn treo Babilon (Lưỡng Hà)  - Vạn Lý Trường Thành (TQ)  - Chùa hang A gian ta ( Ấn Độ) |   ***Em hãy thử đánh giá các thành tựu VH lớn thời cổ đại?***  HS: Di sản văn hoá cổ đại phong phú, đa dạng và có giá trị thực tiễn.  - Đặt nền móng cho nhiều ngành khoa học sau này  - Đó là tài sản văn hoá vô giá và nói lên khả năng vĩ đại của con người..  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **III. Xã hội cổ đại**  **1. Sự ra đời của các quốc gia cổ đại**  **2. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu** |

**3. Hoạt động luyện tập.**

-Em hãy thử đánh giá các thành tựu VH lớn thời cổ đại.

-Vì sao công cụ kim loại xuất hiện, xã hội nguyên thủy tan rã?

**4. Hoạt động vận dụng**

*Ở Việt Nam những di sản nào được công nhận là di sản văn hóa thế giới. Em làm gì để bảo vệ di sản đó?*

**\*HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**-Bài vừa học: ÔN TẬP GIỮA KÌ**

-Hệ thống kiến thức đã học chuận bị KT giữa kì

**-Bài sắp học: KIỂM TRA GIỮA KÌ**